

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **874/2019/DS-PT**

Ngày: 07-10-2019

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Phúc

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

Bà Phạm Thị Mai Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 377/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 279/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4220/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn C** và bà **Phan Thị Đ**

Địa chỉ: Đường 11, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đại G**, đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Đường B, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Bà **Cao Ngọc Tuyết G**

Địa chỉ: Đường N, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Đại G có mặt, bà Cao Ngọc Tuyết G có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2019, bản tự khai tại Tòa án và trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đại G trình bày: Do quen biết, nên ngày 20/9/2017 bà Cao Ngọc Tuyết G có đến nhờ ông C, bà Đ vay dùm số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng để bà G đóng tiền học phí cho con gái vào trường đại học. Ông C, bà Đ đã đi vay dùm cho bà G số tiền trên, bà G có thể chấp 01 thẻ ATM và 01 Chứng minh nhân dân đứng tên bà G cho ông C, bà Đ, hai bên thỏa thuận đến ngày 28/02/2019 là đến hạn trả nợ. Ngày 20/3/2018, bà G lại nhờ ông C, bà Đ vay dùm thêm 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng, không có thời hạn vay. Tổng cộng số tiền bà G vay của ông C, bà Đ là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng. Ngày 15/4/2018, bà G đến gặp ông C, bà Đ nói rằng thẻ ATM bị lỗi nên cho bà G mượn lại thẻ ATM và Chứng minh nhân dân để làm lại thẻ khoảng 10 ngày sau sẽ trả lại cho ông C, bà Đ. Tuy nhiên, cho đến nay bà G không mang thẻ ATM và Chứng minh nhân dân lại cho ông C, bà Đ như đã hứa. Ông C, bà Đ biết bị bà G lừa dối nên đã nhiều lần liên hệ với bà G để yêu cầu bà G trả nợ, nhưng bà G không giải quyết và cố tình trốn tránh. Ngày 23/01/2019, ông C, bà Đ đã gửi cho bà G thông báo đòi toàn bộ số tiền trên, nhưng quá thời hạn 01 tháng bà G vẫn không trả nợ. Khi làm giấy mượn tiền ông C, bà Đ không ghi có lãi suất, nhưng giữa ông C, bà Đ với bà G có thỏa thuận miệng bà G phải trả tiền lãi theo lãi suất ngân hàng là 9% năm. Do đó, từ ngày 20/9/2017 bà G đã trả tiền lãi nhiều lần cho ông C, bà Đ, tổng cộng được 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng, nhưng ông C, bà Đ không nhớ ngày tháng cụ thể mà bà G đã trả lãi.

Nay ông C, Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Do bà G đã trả tiền lãi nhiều lần cho ông C, bà Đ, tổng cộng được 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng nên nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục tính lãi số tiền vay nữa Ông C, bà Đ yêu cầu Tòa án buộc bà G phải trả số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, trả ngay một lần khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu bị đơn không trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn thì còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

*Bà G trình bày:* Bà thừa nhận còn nợ của ông C, bà Đ với số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng như nguyên đơn đã trình bày trên, bà G có trả lãi cho ông C, bà Đ được 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) đồng nhưng bà không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nên bà chấp nhận trả cho nguyên đơn tổng số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng và bà xin trả vào nhiều đợt, mỗi đợt vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 279/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Cao Ngọc Tuyết G phải trả ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị Đ số tiền: 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, bà G phải trả cho ông C, bà Đ số tiền này một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông C, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà G chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà G còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Ngọc Tuyết G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị Đ số tiền: 1.000.000 (*Một triệu*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0000302 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/7/2019, bị đơn bà Cao Ngọc Tuyết G có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn như: Không thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn, bản án sơ thẩm xâm phạm đến quyền thỏa thuận thi hành án của bị đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại khoản lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn để đối trừ vào số nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo bà G trình bày: Yêu cầu Tòa án sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà được trả dần mỗi tháng là: 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng cho đến khi hết số nợ 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lại số tiền lãi bà đã trả cho ông C và bà Đ là 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) đồng.

Ông G - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhận xét và đề nghị:

Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự được đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ.

[2] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ, việc tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là chính xác.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà G: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự đã xác định bà G có vay tiền của ông C, bà Đ số tiền 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng, làm 2 lần: Lần thứ nhất vay 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng vào ngày 20/9/2017, bà G thế chấp 01 thẻ ATM và 01 giấy chứng minh nhân dân của bà G. Lần thứ hai vay 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng vào ngày 20/3/2018.

[5] Xét bà G trình bày đối với khoản tiền vay 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng, từ ngày 20/9/2017 đến ngày 15/4/2018 ông C, bà Đ rút tiền từ tài khoản thẻ ATM của bà tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam mỗi tháng 02 kỳ (vào các ngày 05 và 15 hàng tháng) được 9.500.000 (*Chín triệu năm trăm nghìn*) đồng, ông C, bà Đ lấy 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng tiền lãi, chỉ đưa lại cho bà 5.500.000 (*Năm triệu năm trăm nghìn*) đồng, tổng số tiền lãi ông C, bà Đ đã lấy là 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) đồng. Tuy nhiên, xét tài liệu bà G cung cấp là bản sao kê chi tiết giao dịch từ tài khoản thẻ ATM của bà G từ ngày 20/9/2017 đến ngày 15/4/2018 thì tổng số tiền đã được rút là 76.051.700 (*Bảy mươi sáu triệu không trăm năm mươi một nghìn bảy trăm*) đồng và mỗi tháng đều có nhiều lần rút tiền chứ không phải chỉ có hai lần, mặt khác bà G cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh có việc trả 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) đồng tiền lãi cho ông C, bà Đ trong khi nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng tiền lãi nên lời trình bày của bà G là không có căn cứ.

[6] Xét trong toàn bộ quá trình xét xử sơ thẩm, bà G không có yêu cầu tòa án thu thập chứng cứ nên việc bà G kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ theo yêu cầu của bà là không có cơ sở.

[7] Xét việc cấp sơ thẩm quyết định việc bà G phải chịu tiền lãi trong giai đoạn thi hành án là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và cũng không ảnh hưởng đến quyền thỏa thuận thi hành án của bà nên việc kháng cáo với lý do này là không có căn cứ.

[8] Xét bà G kháng cáo đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng cho đến khi trả hết số nợ 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu này, xét bà G đã vi phạm thời hạn thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà G trả hết số nợ nêu trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu nêu trên của bà G là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những chứng cứ và nhận định trên, xét án sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ pháp luật. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Cao Ngọc Tuyết G.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 279/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà G phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí phúc thẩm bà G đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0000302 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà G đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.
4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Tòa án nhân dân quận G;
- Chi cục thi hành án dân sự quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Phúc**